

Bản án số: 235/2021/HSPT
Ngày 20/04/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 643/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Lê Hồng V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Hồng V (tên gọi khác: Không), sinh năm 1982; tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh V và bà Nguyễn Thị Thu H; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Bích N và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013 nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2019 cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Thị Mỹ Liên, Văn phòng luật sư Nhật Phương, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/5/2017, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1507/QĐ-UBND, về việc điều động Lê Hồng V, Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã T1, huyện Đ, đến nhận công tác tại UBND xã T, huyện Đ kể từ ngày 01/6/2017;

Ngày 04/8/2017, UBND xã T ban hành Quyết định số 134/QĐ-UBND, về việc phân công nhiệm vụ cho Lê Hồng V phụ trách lĩnh vực Xây dựng - Môi trường - Giao thông - Nông nghiệp - Một cửa; nhiệm vụ cụ thể: Tham mưu giúp UBND xã T tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã trong các lĩnh vực Xây dựng - Môi trường - Giao thông - Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định của pháp luật; thu thập thông tin, tổng hợp số liệu, lập sổ sách các tài liệu và xây dựng báo cáo về công tác Xây dựng - Môi trường - Giao thông - Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tham mưu giải quyết, xử lý vi phạm trong lĩnh vực Xây dựng - Môi trường - Giao thông - Nông nghiệp; tiếp nhận và tham mưu giải quyết các hồ sơ thuộc lĩnh vực Xây dựng - Môi trường - Giao thông - Nông nghiệp; thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và do Chủ tịch UBND xã giao.

Trong quá trình công tác tại UBND xã T từ tháng 7/2017 đến tháng 7/2019, mặc dù không được phân công phụ trách công tác liên quan đến lĩnh vực đất đai, nhưng khi người dân đến UBND xã T để liên hệ làm các thủ tục liên quan đến việc tách thửa, gộp thửa, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) trên địa bàn xã T thì Lê Hồng V đã tự ý nhận hồ sơ, cam kết và nhận tiền của 19 bị hại, làm cho các bị hại này đã tin tưởng V là Cán bộ địa chính xã T có chức vụ, quyền hạn làm được các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai theo yêu cầu của mình nên đã giao tiền cho V. Sau khi nhận tiền, V không thực hiện bất cứ công đoạn nào mà chiếm tổng số tiền của 19 hộ này là 529.400.000^d sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể: Người phạm tội thể hiện những nội dung không đúng sự thật với người khác nhưng vì tin vào người có chức vụ, quyền hạn mà họ không nhận thức ra được đó là gian dối và để cho người phạm tội chiếm đoạt tài sản.

Vụ thứ 01: Ngày 05/11/2018, V được giao nhiệm vụ xác minh đơn của bà Nguyễn Thị T, SN 1965, HKTT: xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, đề nghị giải quyết tranh chấp đường đi giữa gia đình bà với ông Sung, bà Lưu. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, V biết rõ việc di dời trụ điện phải được sự đồng ý của hộ ông Lưu và điện lực huyện Phú Giáo nên chưa phải nộp lệ phí di dời; 03 thửa đất có diện tích khoảng 6,5ha của bà T tại Tiểu khu 390 chưa giao cho địa phương quản lý, chưa có chủ trương cấp GCNQSDĐ nên chưa phải nộp thuế và lệ phí; việc nhận tiền đền bù không phải nộp phí, lệ phí. Tuy nhiên,

V tự đưa ra thông tin giả về số tiền chi phí cho việc di dời trụ điện, chi phí cấp GCNQSDĐ cho diện tích 6,5ha đất và chi phí để nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng làm đường Đồng Phú - Bình Dương đi qua thửa đất diện tích 2,4ha của ông Đỗ Tiến Uyên (chồng bà T, đã chết) và nói mình có thể làm được thủ tục trên làm bà T tin là thật giao cho V 07 lần tổng cộng 188.500.000^d (ở nhiều địa điểm khác nhau) để làm và đóng các khoản phí như V đưa ra, việc giao nhận tiền không làm biên nhận, không có ai chứng kiến. Ngày 14/11/2018, V và bà T viết giấy vay tiền, nội dung: “Tôi: Nguyễn Thị T có cho ông Lê Hồng V vay số tiền 188.500.000^d với lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời gian vay là một tháng”. Sau đó, bà T nhiều lần yêu cầu V làm các thủ tục trên nhưng V không thực hiện, không nộp khoản phí nào, chỉ hướng dẫn bà T để hai người con ủy quyền cho bà T nhận tiền đền bù. Ngày 07/12/2018, bà T tố cáo V lừa đảo chiếm đoạt 188.500.000^d. V đã trả lại cho bà T 10.000.000^d; ngày 15/7/2019 anh trai V là Lê Hồng Phong đã thay V trả cho bà T 40.000.000^d [Bút lục 209- 210; 228-284].

Cũng với thủ đoạn tương tự, nhiều người dân đến bộ phận một cửa thuộc UBND xã T gặp V hỏi thủ tục liên quan đến đất đai thì V tiếp tục lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của những người sau:

Vụ 02: Ông Nguyễn Đỗ N, SN 1977, HKTT: ấp 9, Tân Lập, Đồng Phú đã tin tưởng V có chức vụ, quyền hạn làm thủ tục cấp mới GCNQSDĐ và đăng ký chuyển mục đích 100m² đất nông nghiệp thành đất thổ cư cho ông đổi với thửa đất tại ấp 9, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú (ông mua giấy tay của ông Bùi Mạnh Hùng) với giá 22.000.000^d. Ông N đã đưa 12.000.000^d cùng giấy mua bán đất viết tay (bản chính), hộ khẩu và giấy CMND phô tô cho V. Sau khi nhận tiền V đã tiêu xài hết, không làm thủ tục gì cho ông N. Sau đó V tiếp tục đưa thông tin giả là thửa đất này đã đăng ký tên ông Thắm nên không thể đăng ký cấp mới cho ông Nhuận được mà phải cấp mới cho ông Thắm sau đó mới làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Nhuận được. Thực tế thửa đất này chưa có ai kê khai quyền sử dụng đất. Ông N đến cơ quan Công an tố cáo và cung cấp giấy viết tay có nội dung “Ngày 24/11/2017 tôi có nhận mượn của anh Nguyễn Đỗ N vợ là Nguyễn Thị Mận số tiền là 12.000.000^d (mười hai triệu đồng)”. Đến nay V trả lại đủ cho ông N [Bút lục 209-210; 285-298].

Vụ 03: Ông Nguyễn Xuân B, SN 1958, HKTT: Ấp 9, Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước, đã tin tưởng V có chức vụ, quyền hạn làm thủ tục cấp mới GCNQSDĐ và đăng ký chuyển mục đích 100m² đất nông nghiệp thành đất thổ cư cho thửa đất diện tích 7mx22m tại ấp 9, xã Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước cho mình nên đã đưa 20.000.000^d, hộ khẩu, CMND phô tô cho V, nhưng sau khi nhận tiền V đã tiêu xài hết, không làm gì cũng không trả lại tiền. Ngày 29/10/2018, ông B đến Cơ quan Công an trình báo vụ việc trên và cung cấp giấy

nhận tiền có nội dung “Ngày 01/6/2018 tôi Lê Hồng V có nhận của chú Xuân Biên ngụ ấp 9, xã T 20.000.000^d, lí do thực hiện công việc làm sổ đất, thời gian 45 ngày hoàn thành” [Bút lục 209-210; 299-316].

Vụ 04: Ông Nguyễn Xuân T, SN 1981, HKTT: Ấp 5, Tân Lập, Đồng Phú, đã tin tưởng V có chức vụ, quyền hạn làm thủ tục cấp mới GCNQSDĐ và đăng ký chuyển mục đích 100m² đất nông nghiệp thành đất thổ cư cho thửa đất 12mx78m tại ấp 5, xã Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước do ông mua giấy tay của ông Nguyễn Văn B. Ông T đã đưa cho V 10.200.000^d, giấy mua bán đất viết tay, hộ khẩu và giấy CMND phô tô để làm thủ tục. V soạn đơn xin cấp GCNQSDĐ, đơn xác nhận trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, phiếu ý kiến khu dân cư mang tên Nguyễn Văn Biên, tờ khai lệ phí mang tên Nguyễn Xuân T theo mẫu đưa cho ông T để ông T và ông B ký rồi đưa lại cho V nhưng V không nộp lại cho UBND xã T để ra thông báo niêm yết công khai và làm các bước tiếp theo, đóng các khoản phí. Ngày 18/4/2018, ông T trình báo với Tổ xác minh của UBND xã T và cung cấp giấy có nội dung: “Ngày 01/11/2017 tôi có nhận của anh Nguyễn Xuân T là 10.200.000^d (mười triệu hai trăm ngàn đồng)” thì V trả lại số tiền 10.200.000^d [Bút lục 209-210; 317-328].

Vụ 05: Ông Nguyễn Ngọc Đ, SN 1981, HKTT: Ấp 5, Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước, đã tin tưởng V có chức vụ, quyền hạn làm thủ tục cấp mới GCNQSDĐ và đăng ký chuyển mục đích 100m² đất nông nghiệp thành đất thổ cư cho thửa đất tại ấp 5, xã Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước, do ông mua giấy tay của bà Trần Thị T. Ông Đ đã đưa cho V 12.200.000^d, giấy CMND phô tô của bà Trần Thị T và ông Đ để làm thủ tục. V kiểm tra nguồn gốc, biết thửa đất đăng ký tên bà T nên không thể đăng ký cấp mới cho ông Đ được mà phải cấp mới cho bà T, sau đó làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Đ nên V đã soạn đơn xin cấp GCNQSDĐ, đơn xác nhận trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, phiếu ý kiến khu dân cư, tờ khai lệ phí mang tên bà T rồi đưa cho ông Đ để đưa cho bà T ký rồi đưa lại cho V nhưng V không nộp lại cho UBND xã T để ra thông báo niêm yết công khai và làm các bước tiếp theo, đóng các khoản phí. Ngày 18/4/2018, ông Đ trình báo Tổ xác minh của UBND xã T và cung cấp giấy có nội dung: “Nay ngày 01/11/2017 tôi có nhận mượn của anh Nguyễn Ngọc Đ số tiền 12.200.000^d (mười hai triệu hai trăm ngàn đồng)” thì V trả lại 12.200.000^d [Bút lục 209-210; 329-343].

Vụ 06: Bà Phí Thị X, SN 1976, HKTT: Ấp 3, Tân Lập, Đồng Phú, đã tin tưởng V có chức vụ, quyền hạn làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất của ông Nguyễn Văn Cường, SN 1958, HKTT: ấp 4, Tân Lập, Đồng Phú đã bán cho bà Xoan từ năm 2011 và gộp thửa đất này với thửa đất liền kề của bà X thành 01 thửa tại ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước nên đã đưa cho V 15.000.000^d

cùng 02 bản chính GCNQSDĐ tên bà X, hộ khẩu và giấy CMND phô tô để làm thủ tục (thủ tục chuyển nhượng giá 12.000.000^d và gộp thửa giá 3.000.000^d). Ngày 26/3/2018, V làm Công văn xác nhận tình trạng hôn nhân của ông Cường - người bán đất cho bà X gửi về xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, nhưng không nhận được Công văn phản hồi và V cũng không tiến hành thủ tục gì khác. Ngày 17/4/2018 bà X gửi đơn trình báo sự việc đến UBND xã T và cung cấp giấy có nội dung: “Nay ngày 09/01/2017 tôi có nhận của chị X 02 cuốn sổ đỏ 1009 và 03005 và số tiền là 15.000.000^d để thực hiện đo đạc sang tên bao gồm đo đạc sang tên, thời gian 02 tháng hoàn thành”. Ngày 23/4/2018, V đã trả lại 15.000.000^d cho bà X [Bút lục 209-210; 344-364].

Vụ 07: Bà Đỗ Thị H, SN 1966, HKTT: Ấp 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, tin tưởng V có thể làm thủ tục cấp mới GCNQSDĐ cho thửa đất diện tích khoảng hơn 0,8 ha tại ấp 1, xã Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước, do bà mua lại của ông Dương (không rõ họ, địa chỉ) nên đã đưa cho V nhận 7.000.000^d và GCNQSDĐ, sổ hộ khẩu (bản chính) để làm thủ tục nhưng không viết giấy biên nhận. V không thực hiện thủ tục gì nên ngày 15/3/2018 bà H đến UBND xã T trình báo sự việc. V trả lại bà H 7.000.000^d (giấy trả tiền không ghi ngày) [Bút lục 209-211; 329-343].

Vụ 08: Bà Huỳnh Thị Kim H1, SN 1960, HKTT: Ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, tin tưởng V làm được thủ tục đo đạc, tách thửa, cho tặng thửa đất tại ấp 2, xã T, Đồng Phú, Bình Phước do ông Huỳnh Văn Khi đứng tên chủ sở hữu trong GCNQSDĐ cho 06 người con nên đã thông qua bà Huỳnh Trúc Mai, SN 1968 (em bà H1) đưa 8.000.000^d, bản chính GCNQSDĐ và sổ hộ khẩu (phô tô) cho V. V làm thủ tục đo đạc và hợp đồng cho tặng tại Văn phòng công chứng Đồng Phú nhưng cho rằng đã làm thất lạc hồ sơ. Tháng 06/2018, bà H1, bà Mai yêu cầu V trả lại tiền và hồ sơ thì V đã trả lại GCNQSDĐ (bản chính), số tiền 8.000.000^d V đã tiêu xài hết. Khi tố cáo, bà H1 cung cấp giấy có nội dung: “Nay ngày 22/8/2017 tôi có nhận mượn của chị Mai và chị Huyền tổng số tiền là 8.000.000^d (tám triệu đồng) để thực hiện việc tách thửa đất đo đạc”. Ngày 02/10/2019, anh Phong thay V trả lại 8.000.000^d cho bà H1. Sau khi V trả lại GCNQSDĐ, bà Mai và bà H1 tự liên hệ Văn phòng ĐKĐĐ huyện Đ tiến hành đo đạc và làm thủ tục tách thửa [Bút lục 388-401].

Vụ 09: Bà Đặng Thị Ánh H2, SN 1968, HKTT: Ấp 3, xã T, huyện Đ, tin tưởng V làm được các thủ tục đo đạc, tách thửa, cho tặng quyền sử dụng đất thửa đất tại ấp 4, Tân Lập, Đồng Phú do ông Đặng Văn Sang, SN 1935, HKTT: ấp 4, Tân Lập, Đồng Phú (cha của bà H2) đứng tên chủ sở hữu cho 03 người con. Bà H2 đưa GCNQSDĐ, CMND, sổ hộ khẩu (bản phô tô) và 03 lần đưa tiền cho V tổng cộng 14.200.000^d để V đóng tiền đo đạc, lệ phí GCNQSDĐ, tiền

công chứng và tiền công của V thay bà H2 thực hiện (chỉ có 12.900.000^d là viết giấy biên nhận, nội dung: “Nay ngày 06/4/2018 tôi có nhận mượn số tiền của chị Hồng ấp 3, xã T số tiền là 12.900.000^d”, còn lại 1.300.000^d không ghi biên nhận). Ngày 15/11/2018, V gửi phiếu yêu cầu trích đo đến Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện Đ; tháng 12/2018 có kết quả trích đo nhưng V không đóng tiền thuế trích đo, thanh lý hợp đồng để nhận kết quả đo đạc và tiến hành làm các thủ tục tiếp theo cho bà H2. Ngày 01/2/2019, bà H2 đã làm đơn gửi Công an huyện Đ. Ngày 02/10/2019, anh Phong đã thay V trả lại bà H2 14.2000.000^d. Ngoài 14.200.000^d, bà H2 còn khai đưa cho V 5.000.000^d để nộp các loại thuế, lệ phí liên quan đến việc tách thửa, cấp GCNQSDĐ nhưng không ghi biên nhận. V chỉ thừa nhận có nhận của bà H2 14.200.000^d; không có căn cứ xác định V nhận thêm của bà H2 5.000.000^d [Bút lục 209-210; 405-434].

Vụ 10: Ông Nguyễn Văn Đ, SN 1956, HKTT: Ấp 8, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tin tưởng V có thể làm thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ cho thửa đất tại ấp 8, xã Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước do ông đứng tên chủ sở hữu nhưng GCNQSDĐ đã hết hạn sử dụng nên đã đưa cho V 7.100.000^d và bản chính GCNQSDĐ số Đ876035, vào sổ 470/QSDĐ/HĐ1310/CN/04, do UBND huyện Đ cấp ngày 25/8/2004 để làm thủ tục. V viết giấy, nội dung “Nay ngày 28/11/2017 tôi có nhận của chú Đ 1 cuốn sổ đỏ số Đ876035 cấp ngày 25/8/2004”. V không thực hiện thủ tục nhưng không trả lại tiền và GCNQSDĐ mà viết giấy hẹn, nội dung: “Nay ngày 26/4/2019 tôi có nhận của chú Đ tại ấp 8 một cuốn sổ đỏ để làm thủ tục cấp đổi nhưng đã bị thất lạc tôi hẹn qua lễ tôi sẽ lục tìm và hoàn trả lại số tiền 7.100.000^d”. V chưa trả GCNQSDĐ trả lại cho ông Diễm. Ngày 02/10/2019, anh Phong đã thay V trả lại 7.100.000^d cho ông Diễm [Bút lục 345-441].

Vụ 11: Bà Nguyễn Thị Th, SN 1964, HKTT: Phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, mua giấy tay của bà Phạm Thị Rịnh, SN 1960 và ông Trần Văn Dũng, SN 1984, cùng HKTT: ấp 2, Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước, thửa đất số 219, tờ bản đồ số 85, diện tích 225m² (đất chưa có GCNQSD. V đến nhà bà Th nói có thể làm thủ tục cấp mới GCNQSDĐ và chuyển mục đích 100m² đất nông nghiệp thành đất thổ cư thửa đất trên, đưa trước 55.000.000^d để đóng các khoản thuế, phí, lệ phí cấp GCNQSDĐ. V nhận CMND, sổ hộ khẩu, giấy mua bán đất viết tay (bản phô) và 55.000.000^d, trong đó 50.000.000 viết giấy, nội dung “Nay ngày 24/10/2018 tôi Lê Hồng V có nhận mượn số tiền của cô Th ngụ Đồng Xoài, Bình Phước là 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng) làm thủ tục sổ đất có 100m² thổ cư”; 5.000.000^d không ghi biên nhận. V không thực hiện cam kết và đã sử dụng hết tiền. Ngày 25/4/2019, bà Th yêu cầu V hoàn trả lại số tiền và viết cam kết, nội dung “Hôm nay ngày

25/4/2019, tôi Lê Hồng V, SN 1982 hiện cư ngụ tại Tân Phú, Đồng Phú hẹn cô Thảo trong thời gian 30 ngày sẽ hoàn trả lại đủ số tiền là 55.000.000^d (năm mươi lăm triệu đồng). Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm” [Bút lục 209-210; 442-453].

Vụ 12: Bà Hoàng Thị Kim Thanh, SN 1980, HKTT: Phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, tin tưởng V làm được thủ tục chuyển nhượng cho tặng quyền sử dụng đất, trong đó nói rộng diện tích đất theo hiện trạng đất thực tế và chuyển mục đích sử dụng đất 64m² đất nông nghiệp sang đất thổ cư cho thửa đất số 44, tờ bản đồ 11, diện tích 36m² do anh trai bà Thanh là ông Hoàng Phước Hạnh, SN 1976, HKTT: Phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đứng tên trong GCNQSDĐ cho bà Thanh. V nhận 03 bộ hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất giữa người cho là ông Hạnh và người nhận là bà Thanh; GCNQSDĐ tên ông Hạnh, giấy chứng nhận độc thân của ông Hạnh (tất cả bản chính) và 35.000.000^d, khi nhận tiền không viết giấy tờ. V tiêu xài hết 35.000.000^d không làm gì và làm mất hồ sơ của bà Thanh. Ngày 11/4/2019, V viết cam kết “Tôi tên Lê Hồng V, SN 1982 nay tôi viết giấy cam kết có nội dung sau: vừa qua tôi có nhận của chị Hoàng Thị Thanh và anh Phú ngụ ở Bình Dương 1 cuốn sổ đỏ và hợp đồng cho tặng vị trí đất tại Tân Phú, Đồng Phú số sổ 2018 mang tên Hoàng Phước Hạnh đã được UBND huyện cấp ngày 02/01/2003 nhưng trong quá trình thực hiện đã thất lạc hồ sơ chưa tìm thấy được nay tôi viết cam kết này hẹn chị Thanh và anh Phú trong thời gian 10-15 ngày sẽ tìm và hoàn trả lại đầy đủ hồ sơ, nếu tôi không thực hiện được sẽ hoàn chịu trách nhiệm. Trên đây là nội dung thống nhất”. Ngày 25/4/2019, bà Thanh và V đến Công an thị trấn Tân Phú để làm đơn có mất GCNQSDĐ để xin cấp lại phó bản và yêu cầu V viết giấy với nội dung: “Sáng nay 08h tôi cùng chị Thanh đến thị trấn Tân Phú xin làm lại thủ tục cấp phó bản nguyên nhân thất lạc hồ sơ. Sau khi thực hiện xong thủ tục cấp phó bản tôi sẽ gửi lại số tiền cho chị Thanh 35.000.000^d (ba mươi lăm triệu đồng) cho chị Thanh”. Ngày 23/7/2019, anh Phong đã thay V trả cho bà Thanh 20.000.000^d, còn hồ sơ cùng 15.000.000^d chưa trả [Bút lục 453-470].

Vụ 13: Ông Trần Minh H, SN: 1965, HKTT: Ấp Minh Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú tin tưởng V có thể làm thủ tục cấp mới GCNQSDĐ cho thửa đất diện tích khoảng 19x41x14m tại tổ 10, ấp Minh Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, do ông mua của ông Nguyễn Văn Thanh, SN 1968, HKTT: Tổ 10, ấp Minh Hòa, Tân Tiến, Đồng Phú, Bình Phước (đã chết) và làm thủ tục cấp mới GCNQSDĐ cho bà Th1 đối với thửa đất có diện tích 6,5x50m (cạnh thửa đất của ông H, bà Th1 mua của ông Thao từ năm 2006). Ông H và bà Th1 mỗi người đưa cho V 14.000.000^d. V viết giấy biên nhận: “Nay ngày 13/7/2018 tôi Lê Hồng V hiện là

công chức địa chính XD có nhận số tiền của bà Nguyễn Thị Thúy ngụ Minh Hòa, xã T1 và bà Phạm Thị Thủy vợ anh Huệ số tiền 28.000.000^d (Hai mươi triệu đồng) của 02 người để thực hiện công việc, nếu không thực hiện được sẽ hoàn trả gấp đôi. Thời gian thực hiện là 45 ngày trừ thứ bảy và chủ nhật”. V không làm thủ tục gì mà tiêu xài hết số tiền 28.000.000^d. Ngày 02/10/2019, ông Phong đã thay V trả lại cho ông H, bà Th1 mỗi người 14.000.000^d [Bút lục 471-480].

Vụ 14: Ông Hoàng Văn K, SN 1968, HKTT: Ấp 6, Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước tin tưởng V có thể làm thủ tục cấp mới GCNQSDĐ, sau đó làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất diện tích 6x38m tại ấp 6, Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước mà ông K mua giấy tay của ông Lưu Thiện Lâm, SN 1971, HKTT: Thị trấn Tân Phú, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Ông K đưa cho V 10.000.000^d, V viết giấy biên nhận: “Nay ngày 06/5/2019 tôi Lê Hồng V có nhận của ông Hoàng Văn K số tiền là 10.000.000^d (số tiền là mười triệu đồng) hẹn trong vòng 01 tháng để làm sổ đỏ, số còn lại bên ông Lưu Thiện Lâm sẽ thanh toán hết, số còn lại là 8.000.000^d (tám triệu đồng)”. V không làm gì mà tiêu xài hết 10.000.000^d của ông K [Bút lục 481-487].

Vụ 15: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, SN 1998, HKTT: Ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước tin tưởng V có thể giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà A với bà Nguyễn Thị Hảo, SN 1970, cùng HKTT: Ấp 2, Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước (dì ruột của bà A). Cụ thể: Năm 2006, bà Nguyễn Thị Th, SN 1973 (mẹ bà A) chết có để lại cho bà A 02 thửa đất gồm: 0,8 ha điều tại ấp 4, Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước, do bà Th mua của ông Trần Văn Tùng, HKTT: ấp 2, Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước và thửa đất diện tích 5x50m tại ấp 2, Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước do bà Th đứng tên trong GCNQSDĐ. Do bà A còn nhỏ nên gia đình thống nhất giao 02 thửa đất trên cho bà Hảotrông coi, quản lý đến khi bà A 18 tuổi sẽ giao lại cho bà A. Năm 2018, bà A yêu cầu bà Hảo giao 02 thửa đất trên cho bà A quản lý nhưng bà Hảo không đồng ý nên bà A viết đơn gửi UBND xã T đề nghị giải quyết. Thực tế V không được phân công tiếp nhận giải quyết hồ sơ tranh chấp đất đai trên nhưng V vẫn tự ý nhận tiền và hồ sơ của bà A, không chuyển hồ sơ cho bộ phận tiếp công dân xã tham mưu UBND xã phân công cán bộ thụ lý giải quyết. Bà A đưa cho V 10.000.000^d, V viết giấy biên nhận: “Nay ngày 11/6/2018 tôi Lê Hồng V có nhận của chị Nguyễn Thị Ngọc A số tiền là 10.000.000^d (mười triệu đồng) để giải quyết công việc liên quan tới đất đai là đúng”. V không làm gì mà tiêu xài hết số tiền trên. Ngày 01/4/2019 và ngày 22/4/2019, bà A đến trình báo sự việc và đề nghị UBND xã T yêu cầu V trả tiền nhưng đến nay V chưa trả [Bút lục 209-210; 488-498].

Vụ 16: Ông Trần Văn P, SN 1962, HKTT: Ấp 2, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú tin tưởng V có thể làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng 100 m² đất nông nghiệp thành 100m² đất thổ cư cho thửa đất có diện tích khoảng 352m² ông P mua của bà Kim Thị Huy thuộc thửa số 233, tờ bản đồ số 83, Giấy chứng nhận số 03039 do UBND huyện Đ cấp ngày 23/1/2018 tại ấp 2, Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước, nên đã đưa cho V 41.200.000^d, trong đó: 40.000.000^d đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất và 1.200.000^d đóng tiền đo đạc. V viết giấy “Ngày 06/2/2016 Tôi có nhận số tiền của ông Trần Văn P, số tiền là 41.200.000^d (bốn mươi một triệu hai trăm ngàn đồng) là đúng”. Ngày 14/9/2018, V mới gửi phiếu yêu cầu trích đo đến Chi nhánh Văn Phòng ĐKĐĐ huyện Đ. Chi nhánh Văn Phòng đã cử cán bộ xuống đo đạc nhưng vì thửa đất bà Huy bán một phần cho ông P đang xảy ra tranh chấp với bà Lưu Thị Phụng nên không thể thực hiện việc đo đạc tách thửa được nên đã trả hồ sơ. Do đã tiêu xài hết số tiền ông P đưa nên khi ông P hỏi thì V vẫn trả lời đang thực hiện. Đến ngày 01/4/2019, do nhiều lần ông P hỏi GCNQSDĐ và để tạo lòng tin, V đến nhà ông P lấy bản chính GCNQSDĐ số C503039, CMND và sổ hộ khẩu của ông P và viết giấy biên nhận có nội dung: “Tôi tên Lê Hồng V - cán bộ địa chính xã T - Đồng Phú - Bình Phước có tiếp nhận hồ sơ gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C503039 do bà Kim Thị Huy đứng tên của ông Trần Văn P cư trú tại tổ 8, ấp 2, Tân Lập, Đồng Phú - Bình Phước giao. Lý do: làm thủ tục điều chỉnh diện tích đất sau khi chuyển nhượng cho ông Trần Văn P”. V đã trả lại các giấy tờ trên cho ông P nhưng chưa trả số tiền 41.200.000^d đã chiếm đoạt [Bút lục 499-527].

Vụ 17: Bà Nguyễn Ngọc Th1, SN 1977, HKTT: Ấp Cây Cam, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, tin tưởng V có thể làm thủ tục cấp mới GCNQSDĐ và đăng ký chuyển mục đích 300m² đất nông nghiệp thành 300m² đất thổ cư đối với thửa đất gia đình bà mua của ông Dương Quang Thọ tại khu vực cầu ông Hói thuộc ấp 4, Tân Lập, Đồng Phú. Bà Th1 đưa cho V bản chính giấy chuyển nhượng đất trồng cao su viết tay giữa bên bán là ông Dương Quang Thọ, bên mua là ông Doãn Văn Dũng - chồng bà Th1, 02 bản phô tô giấy CMND mang tên Nguyễn Ngọc Th1, Doãn Văn Dũng và 56.000.000^d (18.000.000^d làm thủ tục cấp mới GCNQSDĐ và 38.000.000^d để đăng ký chuyển mục đích 300m² đất nông nghiệp thành 300m² đất thổ cư), khi đưa không viết giấy biên nhận, không ai chứng kiến.

Quá trình điều tra ban đầu, bà Th1 không cung cấp được giấy tờ tài liệu gì liên quan đến việc V nhận tiền; V không thừa nhận đã nhận số tiền trên của bà Th1. Từ ngày 22/4/2020 đến ngày 27/4/2020, TAND huyện Đ đưa vụ án hình sự “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” ra xét xử. Tại phiên tòa, bà

Th1 cung cấp đoạn ghi âm được lưu giữ trong điện thoại và khẳng định đây là cuộc nói chuyện qua điện thoại của bà Th1 và V liên quan đến việc bà Th1 giao tiền cho V. Sau khi TAND huyện Đ công bố đoạn ghi âm do bà Th1 cung cấp thì V thừa nhận nội dung đoạn ghi âm do bà Th1 cung cấp tại Tòa là cuộc nói chuyện giữa V và bà Th1, nhưng V chỉ thừa nhận đã nhận của bà Th1 38.000.000^d. Sau khi nhận tiền, V không làm hồ sơ cho bà Th1 như thỏa thuận nên bà Th1 đến Cơ quan Công an trình báo. Quá trình điều tra bổ sung, V xác định có nhận của bà Th1 tổng số tiền 56.000.000^d như trên nhưng chỉ có 38.000.000^d liên quan đến việc làm sổ đất cho bà Th1, số tiền 18.000.000^d còn lại là V mượn của bà Th1. Tuy nhiên, V không có tài liệu gì chứng minh lời khai trên nên lời khai trên là không có căn cứ. Ngày 23/4/2020, anh trai V là Lê Hồng Phong đã trả cho bà Th1 20.000.000^d. Số tiền còn lại là 36.000.000^d bà Th1 cho V và không yêu cầu trả lại.

Kết luận giám định số 2690/C09B ngày 05/6/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt dán, ghép nối, chỉnh sửa nội dung trong các file mẫu cần giám định; Trong file “8850465103956449947” (dung lượng 9,714 KB) không có tiếng nói của bị can Lê Hồng V; Tiếng nói của người nam (Ký hiệu “V” trong “Bản dịch nội dung”) trong 03 file: “3602324260784473509”, “4263584035871434085”, “Bản ghi mới – Cán bộ.m4a” mẫu cần giám định và tiếng nói của bị can Lê Hồng V trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra; Tiếng nói của người nữ (Ký hiệu “Thúy” trong “Bản dịch nội dung”) trong các file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Nguyễn Ngọc Th1 trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra [Bút lục 1121-1131].

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Hồng V phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Hồng V 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2020 bị cáo Lê Hồng V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 355 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 với mức hình phạt 12 năm tù là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tác động gia đình bồi thường thêm 50.000.000 đồng cho bị hại, toàn bộ bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây được coi là tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bản án sơ thẩm xét xử bị cáo đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tác động gia đình bồi thường thêm 50.000.000 đồng cho 6 bị hại có hoàn cảnh rất khó khăn, được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt; mẹ bị cáo là thương binh được tặng thưởng huân chương kháng chiến là những tình tiết mới, chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm, đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất lời bào chữa của luật sư, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Hồng V đúng luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Xét đơn kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

[1]. Bị cáo Lê Hồng V không được phân công phụ trách công tác liên quan đến lĩnh vực đất đai nhưng khi người dân đến UBND xã T để liên hệ làm các thủ tục liên quan đến việc tách thửa, gộp thửa, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã T, bị cáo đã tự ý nhận hồ sơ, cam kết và nhận tiền của 19 bị hại. Các bị hại tin tưởng bị cáo là cán bộ địa chính xã T có chức vụ, quyền hạn làm được các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai nên nhiều người giao hồ sơ, tiền để bị cáo chiếm đoạt số tiền 529.400.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội: “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 355 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 là có căn cứ, đúng quy định.

[2]. Hành vi phạm tội của bị cáo hết sức nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước và quyền sở hữu tài sản của công dân. Mặc dù, số tiền bị cáo chiếm đoạt của mỗi bị hại không lớn nhưng chiếm đoạt của nhiều bị hại, tổng số tiền là 529.400.000đ. Hành vi phạm tội của

bị cáo không những gây thiệt hại về tài sản cho rất nhiều người, còn gây dư luận xấu đến uy tín của cán bộ công chức, cơ quan nhà nước, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 13 năm tù là phù hợp.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư của bị cáo cung cấp tài liệu là đơn của các bị hại xác nhận đã nhận lại tiền và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để nhanh chóng giải quyết vụ án; là những tình tiết mới nên có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo; sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lê Hồng V; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2020/HSST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước như sau:

Tuyên bố bị cáo Lê Hồng V phạm tội: “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 355; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng V 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Hồng V không phải chịu.
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM(1)
- TAND tỉnh Bình Phước (1);
- VKSND tỉnh Bình Phước (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Phước (1);
- CA tỉnh Bình Phước (1);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước (2) (để tổng đạt cho bc 1b)
- Lưu VT (6) HS (1) 16b .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý